

BÀI 52: PHẢN XẠ KHÔNG ĐIỀU KIỆN VÀ PHẢN XẠ CÓ ĐIỀU KIỆN

I. Phân biệt phản xạ có điều kiện và phản xạ không điều kiện

- Phản xạ không điều kiện (PXKĐK) là phản xạ sinh ra đã có, không cần phải học tập, rèn luyện. VD: nóng đỏ mồ hôi



- Phản xạ có điều kiện (PXCĐK) là phản xạ hình thành trong đời sống cá thể, là kết quả của quá trình học tập, rèn luyện, rút kinh nghiệm.

VD: Dừng xe khi gặp đèn đỏ

Mặc áo ấm khi trời lạnh



II. Sự hình thành phản xạ có điều kiện

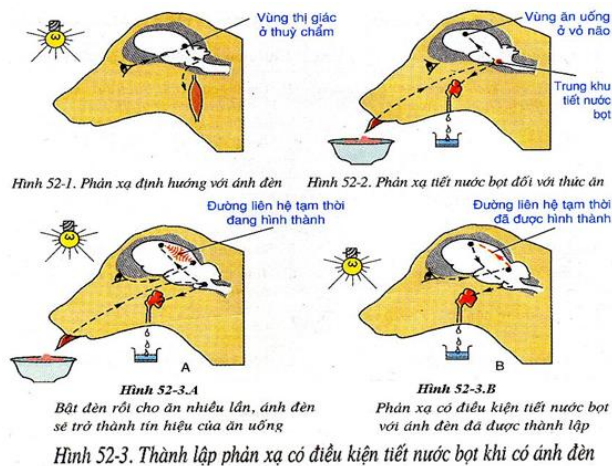
1. Hình thành phản xạ có điều kiện

- Điều kiện để thành lập phản xạ có điều kiện

+ Phải có sự kết hợp giữa kích thích có điều kiện với kích thích không có điều kiện.

+ Quá trình đó được lặp lại nhiều lần

- Thực chất của việc hình thành phản xạ có điều kiện là hình thành đường liên hệ tạm thời nối các vùng vỏ não với nhau.



2. Ức chế phản xạ có điều kiện

- Khi phản xạ có điều kiện không được củng cố thì phản xạ sẽ mất dần
- Ý nghĩa: đảm bảo sự thích nghi với môi trường sống luôn thay đổi, hình thành các thói quen tập quán tốt đối với con người

III. So sánh tính chất của phản xạ không điều kiện và phản xạ có điều kiện

<i>Tính chất của phản xạ không điều kiện</i>	<i>Tính chất của phản xạ có điều kiện</i>
- Trả lời các kích thích tương ứng hay kích thích không điều kiện - Bẩm sinh - Bền vững - Có tính chất di truyền, tính chủng loại - Số lượng có hạn - Cung phản xạ đơn giản - Trung ương nằm ở trụ não, tủy sống	- Trả lời kích thích bất kì hay kích thích có điều kiện - Được hình thành ngay trong đời sống - Dễ bị mất đi khi không củng cố - Có tính cá thể, không di truyền - Số lượng không hạn định - Hình thành đường liên hệ tạm thời - Trung ương nằm ở vỏ não

BÀI 53: HOẠT ĐỘNG THẦN KINH CẤP CAO Ở NGƯỜI

I. Sự hình thành và ức chế các phản xạ có điều kiện ở người

- Sự thành lập và ức chế phản xạ có điều kiện là hai quá trình thuận nghịch liên hệ mật thiết với nhau giúp cơ thể thích nghi với đời sống.

- Là cơ sở để hình thành thói quen, tập quán, nếp sống có văn hóa

II. Vai trò của tiếng nói và chữ viết

- Tiếng nói và chữ viết cũng là tín hiệu gây ra các phản xạ có điều kiện cấp cao
- Tiếng nói và chữ viết là phương tiện để con người giao tiếp, trao đổi kinh nghiệm với nhau

III. Tư duy trừu tượng

- Từ những thuộc tính chung của sự vật, con người khái quát hóa thành những khái niệm được diễn giải bằng từ ngữ
- Khả năng khái quát, trừu tượng hóa là cơ sở của tư duy trừu tượng

BÀI 54: VỆ SINH HỆ THẦN KINH

I. Ý nghĩa của giấc ngủ đối với sức khỏe

- Ngủ là nhu cầu sinh lí của cơ thể, là kết quả của quá trình ức chế tự nhiên coa tác dụng bảo vệ, phục hồi khả năng làm việc (hoạt động) của hệ thần kinh.
- Biện pháp để có giấc ngủ ngon:
 - + Cơ thể sảng khoái
 - + Chỗ ngủ thuận lợi
 - + Không dùng các chất kích thích ảnh hưởng tới giấc ngủ

II. Lao động và nghỉ ngơi hợp lí

- Để giữ gìn và bảo vệ hệ thần kinh cần:
 - + Đảm bảo giấc ngủ hằng ngày.
 - + Tránh lo âu, suy nghĩ.
 - + Có chế độ làm việc hợp lí.

III. Tránh lạm dụng các chất kích thích và ức chế đối với hệ thần kinh

- Chất kích thích: rượu, chè, cà phê kích thích hệ thần kinh gây khó ngủ.
 - Chất ức chế: thuốc ngủ
 - Chất gây nghiện: thuốc lá, ma túy..
- => Làm cơ thể suy yếu, dễ mắc các bệnh ung thư, khả năng làm việc trí óc giảm, suy yếu giống nòi, cạn kiệt kinh tế, lây nhiễm HIV...

CHƯƠNG X: NỘI TIẾT

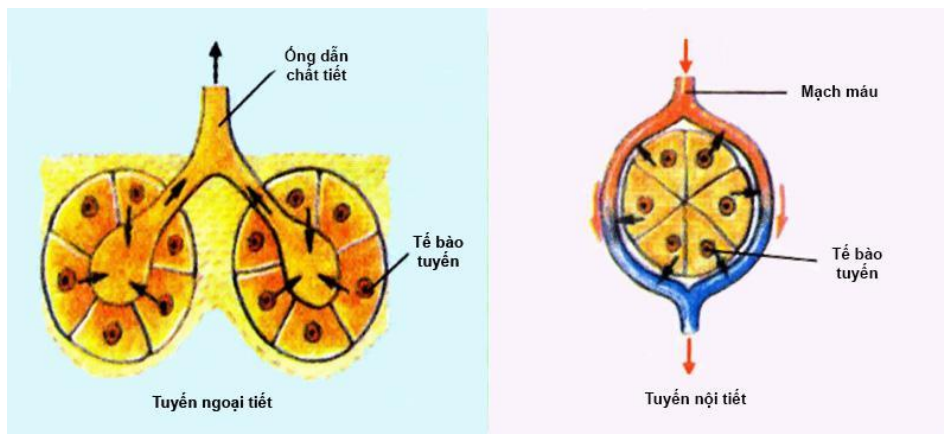
BÀI 55: GIỚI THIỆU CHUNG HỆ NỘI TIẾT

I. Đặc điểm hệ nội tiết

- Hệ nội tiết cùng với hệ thần kinh tham gia điều hòa các quá trình sinh lý trong cơ thể.
- Tuyến nội tiết sản xuất ra hoocmôn theo đường máu tác động đến cơ quan đích nhưng chậm, kéo dài và trên diện rộng.

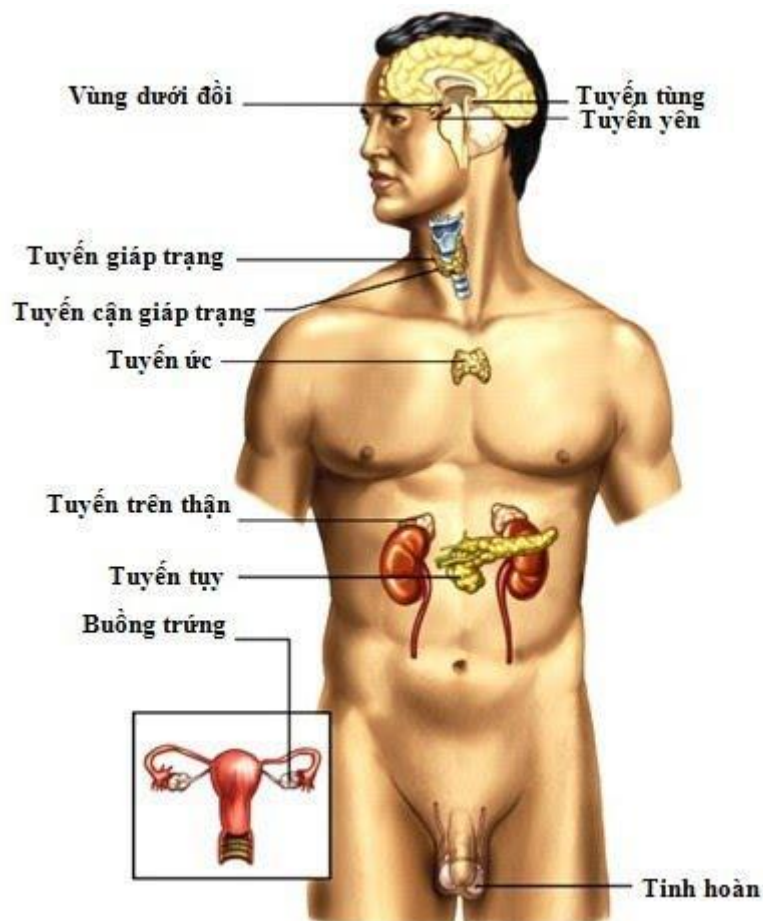
II. Phân biệt tuyến nội tiết với tuyến ngoại tiết

- Hệ nội tiết gồm: các tuyến nội tiết và các tuyến ngoại tiết



- Tuyến nội tiết và tuyến ngoại tiết đều gồm các tế bào tuyến và đều tiết ra các sản phẩm tiết tham gia vào điều hòa quá trình sống của cơ thể
- Phân biệt tuyến nội tiết và tuyến ngoại tiết

	Cấu tạo	Chức năng
Tuyến ngoại tiết	Bởi tế bào tuyến	Tiết ra chất tiết tập trung vào ống dẫn để đổ ra ngoài.
Tuyến nội tiết	Bởi các tế bào tuyến	Tiết ra hoocmôn ngấm thẳng vào máu



* Lưu ý: có 1 số tuyến vừa là tuyến nội tiết vừa là tuyến ngoại tiết (tuyến pha), ví dụ: tuyến tụy vừa tiết ra dịch tụy đổ vào ruột, vừa tiết ra hoocmôn ngấm vào máu.

II. Hoocmon

1. Tính chất của hoocmon

- Hoocmôn có tính đặc hiệu cao (mỗi hoocmon chỉ ảnh hưởng tới một hoặc một số cơ quan xác định)
- Hoocmon có hoạt tính sinh học rất cao (Chỉ cần một lượng nhỏ cũng gây hiệu quả rõ rệt)
- Hoocmon không mang tính đặc trưng cho loài

2. Vai trò của hoocmon

- Duy trì tính ổn định môi trường trong cơ thể
- Điều hòa các quá trình sinh lý diễn ra bình thường